TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự** doanh - **Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2018/HS-PT
Ngày: 28-12-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết

Các Thẩm phán: Ông Lê Hoài Nam

Bà Mai Thị Minh Hồng

- Thư ký phiên toà: Ông Đinh Văn Bình - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Minh Tâm - Kiểm sát viên

Trong ngày 28 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 78/2018/TLPT-HS ngày 04 tháng 12 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXXPT-HS ngày 18 tháng 12 năm 2018 đối với bị cáo Trần Thị T, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 286/2018/HS-ST ngày 18/10/2018 của Toà án nhân dân thành phố Nam Định.

- Bị cáo kháng cáo:

Họ và tên: Trần Thị T, sinh năm 1984 tại xóm 2 xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 19 xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; nơi cư trú hiện nay: Xóm 2 xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Tự doanh; trình độ văn hóa: Lớp 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Thiên Chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Xuân Đ và bà Tống Thị H; có chồng là Nguyễn Văn K (đã ly hôn); có 04 con; con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09/4/2018, có mặt.

Ngoài ra còn có bị cáo Trần Thị O không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị T là Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc của Công ty cổ phần kinh doanh thương mại Vạn Đại Phát (Sau đây viết tắt là Công ty Vạn Đại Phát), thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0601111586 doanh Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Nam Định cấp đăng ký lần đầu ngày 06/4/2016, trụ sở chính tại số 39 đường Trần Anh Tông, khu đô thị Hòa Vượng, phường Lộc Vượng, thành phố Nam Định. Quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty, trong khoảng thời gian từ tháng 5 đến tháng 11 năm 2016, Trần Thị T đã trực tiếp xuất bán 22 số hóa đơn giá trị gia tăng (Sau đây viết tắt là GTGT) liên 2 "Giao cho người mua" đã ghi nội dung nhưng không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo với tổng số tiền hàng là 6.593.743.681 đồng, tổng số tiền thuế GTGT là 659.374.368 đồng; tổng số tiền thanh toán ghi trên 22 hóa đơn là 7.253.118.049 đồng cho 05 Công ty khác để các Công ty này hợp thức hóa hàng hóa, dịch vụ đầu vào không có chứng từ. Trần Thị T đã bán số hóa đơn trên với giá 3,5% tổng giá trị tiền hàng chưa có thuế GTGT ghi trên mỗi hóa đơn. Sau đó để hợp thức hóa việc bán hóa đơn, T đã mua một số hóa đơn GTGT của 03 Công ty khác với giá 2,7% tổng giá trị tiền hàng chưa có thuế GTGT ghi trên mỗi số hóa đơn. Việc mua bán hóa đơn giữa Công ty cổ phần kinh doanh thương mại Vạn Đại Phát và các Công ty khác được thực hiện thông qua việc ký kết hợp đồng, thanh lý hợp đồng, lập biên bản giao nhận hàng hóa, chuyển tiền qua hệ thống Ngân hàng như mua bán hàng hóa thật, cụ thể như sau:

1. Việc bán hóa đơn cho Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ vận tải Đức Thắng và Công ty cổ phần du lịch xây dựng thương mại An Tùng: Quá trình kinh doanh, ông Nguyễn Đức S là Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ vận tải Đức Thắng và ông Trần Văn L là Giám đốc Công ty Cổ phần du lịch xây dựng thương mại An Tùng đã mua một số mặt hàng cát, đá trôi nổi không có hóa đơn chứng từ. Để hợp thức hóa hàng hóa đầu vào và kê khai khấu trừ thuế GTGT, ông S và ông L đã liên hệ với Trần Thị O đề nghị mua hóa đơn GTGT không có hàng hóa dịch vụ kèm theo với giá trị hàng hóa chưa có thuế giá trị gia tăng là 4.862.265.500 đồng. O đồng ý bán hóa đơn đã ghi nội dung cho ông S và ông L với giá là 4,5% tổng giá trị tiền hàng chưa có thuế GTGT ghi trên mỗi hóa đơn. Sau đó, O đã gặp T và đề nghị mua hóa đơn GTGT đã ghi nội dung của Công ty Vạn Đại Phát với giá là 3,5% tổng giá trị tiền hàng chưa có thuế GTGT ghi trên mỗi số hóa đơn để bán lại cho ông S và ông L. Từ tháng 6 đến tháng 11 năm 2016, Trần Thị O đã mua của Trần Thị T 10 số hóa đơn GTGT liên 2 "Giao cho người mua" ghi nội dung bán mặt hàng cát đá các loại, giá cả, số tiền hàng, tiền thuế GTGT và đã trả cho T số tiền 170.000.000 đồng. Trong đó, O bán lại cho ông Nguyễn Đức S 03 số hóa đơn GTGT có tổng số tiền hàng là 1.084.250.000 đồng, tổng số tiền thuế GTGT là 108.425.000 đồng; bán lại cho ông Trần Văn L 07 số hóa đơn GTGT có tổng số tiền hàng là 3.778.015.500 đồng, tổng số tiền thuế GTGT là 377.801.550 đồng. Để thực hiện việc mua bán hóa đơn, O đã liên hệ với ông S và ông L để lấy các thông tin của Công ty Đức Thắng, Công ty An Tùng như: Tên Công ty, địa chỉ, mã số thuế, số tài khoản ngân hàng, người đại diện theo pháp luật của Công ty, loại mặt hàng, số lượng và giá trị tiền hàng ghi trên mỗi số hóa đơn rồi chuyển lại cho T những thông tin trên. Sau đó T lập hợp đồng mua bán hàng hóa, thanh lý hợp đồng, biên bản giao nhận hàng hóa,... mỗi loại thành nhiều bản rồi ký, đóng dấu Công ty cổ phần kinh doanh thương mại Vạn

Đại Phát, dấu chức danh Giám đốc rồi chuyển lại cho O để O gửi cho ông S và ông L ký. Mỗi loại giấy tờ trên, ông S và ông L ký, đóng dấu xong giữ lại 01 hoặc 02 bản, còn lại đưa cho O, đồng thời ông S và ông L cũng đưa cho O một số ủy nhiệm chi của Công ty Đức Thắng, Công ty An Tùng đã được ký, đóng dấu Công ty và dấu chức danh Giám đốc sẵn nhưng chưa viết nội dung để O thực hiện việc Công ty Đức Thắng, Công ty An Tùng chuyển tiền vào tài khoản Ngân hàng của Công ty Vạn Đại Phát như mua bán hàng hóa thật. Sau khi nhận được hợp đồng mua bán, thanh lý hợp đồng, biên bản giao nhận hàng hóa doanh O đưa lại, T chuyển cho kế toán của Công ty doanh T thuê theo thời vụ để viết hóa đơn với nội dung mặt hàng và giá trị tiền hàng theo yêu cầu của ông S và ông L rồi đưa cho O để chuyển trả cho Công ty Đức Thắng, Công ty An Tùng. Đồng thời T còn đưa cho O giấy giới thiệu, giấy rút tiền mặt đã được T ký, đóng dấu Công ty Vạn Đại Phát và dấu chức danh Giám đốc nhưng chưa ghi nội dung. Sau đó O đã mang toàn bộ các loại giấy tờ trên đến Ngân hàng, dùng tiền mặt của cá nhân thực hiện việc nộp, chuyển tiền từ tài khoản của Công ty Đức Thắng, Công ty An Tùng vào tài khoản của Công ty Vạn Đại Phát và rút tiền mặt ra từ tài khoản của Công ty Vạn Đại Phát như mua bán hàng hóa thật. Thực hiện xong, O trả lại chứng từ chuyển tiền tại Ngân hàng cho T và ông S, ông L để hoàn tất việc mua bán hóa đơn. Tuy nhiên, O bỏ ra 170.000.000 đồng trả cho T để mua hóa đơn với mục đích bán lại cho ông S và ông L để hưởng lợi 48.622.655 đồng nhưng mới nhận được từ ông S số tiền 30.000.000 đồng để mua hóa đơn, còn ông L chưa trả tiền mua hóa đơn cho O. Cơ quan điều tra tiến hành xác minh tại Chi cục thuế huyện Quỳnh Phụ tỉnh Thái Bình và Chi cục thuế huyện Ý Yên tỉnh Nam Định, xác định: Công ty Đức Thắng đã sử dụng 03 số hóa đơn GTGT đã ghi nội dung của Công ty Vạn Đại Phát để kê khai khấu trừ thuế GTGT tại các kỳ tính thuế quý II, quý III của năm 2016 với tổng số tiền thuế là 108.425.000 đồng; Công ty An Tùng đã sử dụng 07 số hóa đơn GTGT đã ghi nội dung của Công ty Vạn Đại Phát để kê khai khấu trừ thuế GTGT với tổng số tiền thuế là 377.801.550 đồng tại các kỳ tính thuế quý II, quý III, quý IV của năm 2016. Ông Nguyễn Đức S, ông Trần Văn L đã khai nhận việc mua hóa đơn GTGT liên 2 đã ghi nội dung nhưng không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo của Công ty Vạn Đại Phát như trên.

2. Việc bán hóa đơn cho Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ vận chuyển Tín Phát: Trong khoảng thời gian từ tháng 5 đến tháng 11 năm 2016, Trần Thị T đã bán cho một người đàn ông tên H (không rõ lai lịch, địa chỉ) 09 số hóa đơn GTGT liên 2 đã ghi nội dung nhưng không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo; mặt hàng dịch vụ vận chuyển có tổng số tiền hàng là 536.454.545 đồng, tổng số tiền thuế GTGT là 53.645.455 đồng với giá là 3,5% giá trị tiền hàng chưa có thuế GTGT ghi trên mỗi số hóa đơn. Sau đó, H bán lại 09 số hóa đơn này cho ông Nguyễn Trung Th là Giám đốc Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ vận chuyển Tín Phát với giá là 7% giá trị tiền hàng chưa có thuế GTGT ghi trên mỗi số hóa đơn. H đã cung cấp một số thông tin của Công ty Tín Phát, yêu cầu loại mặt hàng, số lượng và giá trị tiền hàng cho Trần Thị T, để T giao cho kế toán thời vụ của Công ty Vạn Đại Phát viết hóa đơn cũng như lập các hợp đồng mua bán, biên bản giao nhận hàng hóa, thanh lý hợp đồng... như mua bán hàng hóa thật rồi chuyển lại cho Hưng. Sau khi đưa cho ông Trần Trung Th ký các giấy tờ trên, H chuyển lại cho T kèm theo các

Ủy nhiệm chi của Công ty Tín Phát đã được ký đóng dấu sẵn để T thực hiện việc chuyển trả tiền qua hệ thống Ngân hàng. T đã trả tiền công cho O là 1.168.200 đồng để O sử dụng tiền cá nhân thực hiện các giao dịch nộp, chuyển tiền từ tài khoản Công ty Tín Phát sang tài khoản của Công ty Vạn Đại Phát và rút tiền ra từ tài khoản của Công ty Vạn Đại Phát nhằm hoàn tất việc mua bán hóa đơn. Quá trình thực hiện việc chuyển tiền, rút tiền cho T, O nhận thức rõ là để hợp thức hóa việc mua bán hóa đơn GTGT không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo nhưng vẫn thực hiện. Chi cục thuế thành phố Nam Định xác nhận Công ty Tín Phát đã sử dụng 09 số hóa đơn GTGT đã ghi nội dung của Công ty Vạn Đại Phát để kê khai khấu trừ thuế GTGT với tổng số tiền thuế là 53.645.455 đồng tại các kỳ tính thuế quý II, quý III, quý IV của năm 2016. Ông Nguyễn Trung Thanh đã khai nhận việc mua hóa đơn GTGT của Công ty Vạn Đại Phát thông qua đối tượng tên Hưng như nêu trên.

3. Việc bán hóa đơn cho Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển Nam Việt: Trong khoảng tháng 6 năm 2016, Trần Thị T đã bán cho một người đàn ông tên Hà (không rõ lai lịch, địa chỉ) 01 số hóa đơn GTGT liên 2 đã ghi nội dung không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo, mặt hàng đá Subase và đá Baase có số tiền hàng là 849.503.636 đồng, tiền thuế GTGT là 84.950.364 đồng, tổng số tiền thanh toán ghi trên hóa đơn là 934.454.000 đồng với giá 3,5% giá trị tiền hàng chưa có thuế GTGT ghi trên mỗi số hóa đơn. Sau đó, Hà đã bán lại số hóa đơn trên cho ông Bùi Hồng K là Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển Nam Việt. Hà đã lấy một số thông tin về Công ty, yêu cầu loại mặt hàng, số lượng và giá trị tiền hàng của Công ty Nam Việt cung cấp cho Trần Thị T, để T lập các giấy tờ như mua bán hàng hóa thật có ký đóng dấu sẵn, giao cho kế toán thời vụ của Công ty viết hóa đơn rồi chuyển lại cho Hà. Sau đó, Hà chuyển lại cho ông Bùi Hồng K để ông K ký, đóng dấu. Cuối cùng, Hà thực hiện việc giao dịch nộp, chuyển tiền từ tài khoản của Công ty Nam Việt sang Công ty Vạn Đại Phát và rút tiền ra từ tài khoản của Công ty Vạn Đại Phát để hoàn tất việc mua bán hóa đơn. Cơ quan điều tra tiến hành xác minh tại Chi cục thuế quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội xác định Công ty Nam Việt đã sử dụng 01 số hóa đơn GTGT đã ghi nội dung của Công ty Vạn Đại Phát để kê khai khấu trừ thuế GTGT với số tiền thuế là 84.950.364 đồng tại kỳ tính thuế tháng 6 năm 2016. Ông Bùi Hồng K đã khai nhận việc mua hóa đơn GTGT liên 2 đã ghi nội dung nhưng không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo của Công ty cổ phần kinh doanh thương mại Vạn Đại Phát như trên.

4. Việc bán hóa đơn cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Hồng Anh: Trong khoảng tháng 6 năm 2016, Trần Thị T đã bán cho bà Đoàn Thị H là Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Hồng Anh 02 số hóa đơn GTGT liên 2 đã ghi nội dung không có hàng hóa kèm theo, mặt hàng dầu DOANH có tổng số tiền hàng là 345.520.000 đồng, tổng số tiền thuế GTGT là 34.552.000 đồng, với giá là 3,5% giá trị tiền hàng chưa có thuế GTGT ghi trên mỗi số hóa đơn. Để hợp thức hóa việc mua bán 02 số hóa đơn GTGT này, bà Đoàn Thị H đã soạn thảo các giấy tờ như mua bán hàng hóa thật sau đó chuyển lại cho Trần Thị T để T ký đóng dấu và giao cho kế toán thời vụ viết hóa đơn. Sau khi giao hóa đơn cho bà

H và nhận các Ủy nhiệm chi của Công ty Hồng Anh đã được ký đóng dấu sẵn, T chịu trách nhiệm chuyển trả tiền qua hệ thống Ngân hàng. Sau đó, T đã nhờ O dùng tiền cá nhân để thực hiện các giao dịch nộp, chuyển tiền từ tài khoản của Công ty Hồng Anh sang tài khoản của Công ty Vạn Đại Phát và rút tiền ra từ tài khoản của Công ty Vạn Đại Phát như mua bán hàng hóa thật. Quá trình thực hiện việc chuyển tiền, rút tiền qua Ngân hàng, O nhận thức rõ là để hợp thức hóa việc mua bán hóa đơn không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo. Cơ quan điều tra tiến hành xác minh tại Chi cục thuế huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xác định Công ty Hồng Anh đã sử dụng 02 số hóa đơn GTGT đã ghi nội dung của Công ty Vạn Đại Phát đã kê khai khấu trừ thuế GTGT với tổng số tiền thuế là 34.552.000 đồng tại kỳ tính thuế quý II năm 2016. Bà Đoàn Thị H đã khai nhận việc mua hóa đơn GTGT liên 2 đã ghi nội dung nhưng không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo của Công ty Vạn Đại Phát như trên.

4. Việc mua hóa đơn: Để hợp thức hóa hàng hóa đầu vào ghi trên 22 số hóa đơn GTGT đã ghi nội dung nhưng không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo đã bán, T đã mua một số hóa đơn GTGT liên 2 đã ghi nội dung nhưng không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo phù hợp với số tiền hàng và loại hàng hóa, dịch vụ ghi trong hóa đơn đã bán với giá 2,7% tổng giá trị tiền hàng chưa có thuế GTGT của 03 Công ty gồm: Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư thương mại Lan Nhi, địa chỉ: Số 123 tổ dân phố 10A, khu 2B, thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng doanh bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1972 là Giám đốc; Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại vật tư Tâm Hương, địa chỉ: Tổ dân phố 15 (nhà bà Nguyễn Thị L), thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng doanh bà Lương Thị H, sinh năm 1988 là Giám đốc và Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ phát triển Quang L, địa chỉ: Số 23 tổ dân phố 7, thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng doanh bà Đào Thị T, sinh năm 1956 là Giám đốc. Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, xác minh, nhưng 03 Công ty trên hiện đều đã ngừng hoạt động, người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký.

Ngày 29/11/2017, Trần Thị O đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Nam Định để tự thú hành vi vi phạm pháp luật của mình, đồng thời Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Nam Định đã triệu tập Trần Thị T lên làm việc. Tại Cơ quan điều tra, Trần Thị T khai nhận các cổ đông còn lại của Công ty Vạn Đại Phát là bà Đặng Thị Thu H và ông Nguyễn Duy C, những người đứng tên Kế toán trưởng trong các ủy nhiệm chi, giấy rút tiền mặt của Công ty Vạn Đại Phát khi giao dịch tại Ngân hàng là ông Lê Duy M và bà Trần Thị C đều không biết, không tham gia vào hoạt động kinh doanh của Công ty Vạn Đại Phát cũng như việc mua bán trái phép hóa đơn GTGT của **Trần Thị T**. Lời khai của bà Đặng Thị Thu Hiền, ông Lê Duy Mạc và bà Trần Thị Chín tại Cơ quan điều tra phù hợp với lời khai của **Trần Thị T**. Đối với ông Nguyễn Duy Chính là cổ đông của Công ty Vạn Đại Phát và 02 người đàn ông tên Hưng, Hà là các đối tượng đã mua hóa đơn GTGT khống của Trần Thị T chưa xác định được lai lịch, địa chỉ.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Nam Định đã thu giữ 22 số hóa đơn GTGT liên 2 đã ghi nội dung của Công ty Vạn Đại Phát, các bản hợp đồng nguyên tắc, hợp đồng kinh tế, biên bản giao nhận hàng hóa,

thanh lý hợp đồng giữa Công ty Vạn Đại Phát và các Công ty, một số ủy nhiệm chi, lệnh chi để trưng cầu giám định. Tại các bản Kết luận giám định số 221/KLGĐ - PC54 ngày 15/3/2018 và số 631/KLGĐ - PC54 ngày 10/8/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Nam Định đã kết luận:

- Hình dấu mang tên "Công ty cổ phần kinh doanh thương mại Vạn Đại Phát" và Hình dấu mang tên "Giám đốc Trần Thị T" tại 22 hóa đơn GTGT và các bản hợp đồng nguyên tắc, hợp đồng kinh tế, biên bản giao nhận hàng hóa, thanh lý hợp đồng là doanh con dấu mang tên "Công ty cổ phần kinh doanh thương mại Vạn Đại Phát" và con dấu mang tên "Giám đốc Trần Thị T" thu giữ trong quá trình làm việc với Trần Thị T đóng ra.

- Chữ ký đứng tên Trần Thị T - Giám đốc Công ty Vạn Đại Phát tại 22 hóa đơn GTGT và các bản hợp đồng nguyên tắc, hợp đồng kinh tế, biên bản giao nhận hàng hóa, thanh lý hợp đồng là doanh Trần Thị T ký ra.

- Hình dấu mang tên "Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ vận tải Đức Thắng" và Hình dấu mang tên "Giám đốc Nguyễn Đức S" tại các bản hợp đồng nguyên tắc, hợp đồng kinh tế, biên bản giao nhận hàng hóa, thanh lý hợp đồng là doanh con dấu của "Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ vận tải Đức Thắng" và con dấu chức danh của ông Nguyễn Đức S đóng ra.

- Hình dấu mang tên "Công ty cổ phần du lịch xây dựng thương mại An Tùng" và Hình dấu mang tên "Giám đốc Trần Văn L" tại các bản hợp đồng nguyên tắc, hợp đồng kinh tế, biên bản giao nhận hàng hóa, thanh lý hợp đồng là doanh con dấu của "Công ty cổ phần du lịch xây dựng thương mại An Tùng" và con dấu chức danh của ông Trần Văn L đóng ra.

- Hình dấu mang tên "Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ vận chuyển Tín Phát" và Hình dấu mang tên "Giám đốc Nguyễn Trung Thanh" tại các bản hợp đồng nguyên tắc, hợp đồng kinh tế, biên bản giao nhận hàng hóa, thanh lý hợp đồng là doanh con dấu của "Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ vận chuyển Tín Phát" và con dấu chức danh của ông Nguyễn Trung Thanh đóng ra.

- Hình dấu mang tên "Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Hồng Anh" và Hình dấu mang tên "Giám đốc Đoàn Thị H" tại các bản hợp đồng nguyên tắc, hợp đồng kinh tế, biên bản giao nhận hàng hóa, thanh lý hợp đồng là doanh con dấu của "Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Hồng Anh" và con dấu chức danh của bà Đoàn Thị H đóng ra.

- Chữ ký đứng tên Nguyễn Đức S - Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ vận tải Đức Thắng tại các bản hợp đồng nguyên tắc, hợp đồng kinh tế, biên bản giao nhận hàng hóa, thanh lý hợp đồng là doanh ông Nguyễn Đức S ký ra.

- Chữ ký đứng tên Trần Văn L - Giám đốc Công ty cổ phần du lịch xây dựng thương mại An Tùng tại các bản hợp đồng nguyên tắc, hợp đồng kinh tế, biên bản giao nhận hàng hóa, thanh lý hợp đồng là doanh ông Trần Văn L ký ra.

- Chữ ký đứng tên Nguyễn Trung Th - Giám đốc Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ vận chuyển Tín Phát tại các bản hợp đồng nguyên tắc, hợp đồng kinh tế,

biên bản giao nhận hàng hóa, thanh lý hợp đồng là doanh ông Nguyễn Trung Th ký ra.

- Chữ ký đứng tên Đoàn Thị H - Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Hồng Anh tại các bản hợp đồng nguyên tắc, hợp đồng kinh tế, biên bản giao nhận hàng hóa, thanh lý hợp đồng là doanh bà Đoàn Thị H ký ra.

- Chữ viết tại ủy nhiệm chi và tại lệnh chi của Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ vận tải Đức Thắng là doanh Trần Thị O viết ra.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 286/2018/HS-ST ngày 18/10/2018 của Toà án nhân dân thành phố Nam Định đã quyết định:

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 164a, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 (Sau đây viết tắt là BLHS năm 1999), khoản 3 Điều 7, điểm e khoản 2 Điều 203 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Sau đây viết tắt là BLHS); Điều 106, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự (Sau đây viết tắt là BLTTHS); Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 Ủy ban Thường vụ Quốc hội đối với các bị cáo; áp dụng thêm khoản 2 Điều 46 của BLHS năm 1999 đối với Trần Thị T và điểm o khoản 1 Điều 46, Điều 60 của BLHS năm 1999 đối với Trần Thị O,

1. Tuyên bố: Các bị cáo Trần Thị T và Trần Thị O phạm tội "Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước";

Xử phạt bị cáo Trần Thị T 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù;

Xử phạt bị cáo Trần Thị O 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Mỹ Xá, thành phố Nam Định giám sát, giáo dục;

2. Buộc bị cáo Trần Thị T nộp số tiền là 51.294.000 đồng; buộc bị cáo Trần Thị O nộp số tiền là 1.168.200 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước;

Ngoài ra Bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 23/10/2018 bị cáo Trần Thị T có đơn kháng cáo với nội dung: Toà án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội "Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước" là hoàn toàn đúng người, đúng tội. Nhưng với mức án 18 tháng tù là quá nặng, hoàn cảnh gia đình bố mất sớm bị cáo đang phải chăm sóc mẹ già đau yếu và nuôi 4 con nhỏ, con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2018. Chồng đã ly hôn và bị nghiện ma tuý hiện không biết ở đâu, mong Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét cho bị cáo được cải tạo tại địa phương để có điều kiện nuôi con và chăm sóc mẹ già.

Tại phiên toà phúc thẩm bị cáo Trần Thị T vẫn xác nhận việc bị cáo bị Toà án cấp sơ thẩm xét xử về tội "Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước" là đúng người, đúng tội, không oan. Nhưng giữ nguyên nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo và trình bày: Bị cáo rất ăn năn hối hận với việc làm của mình, đã tự nguyện xin nộp lại toàn bộ số tiền chiếm hưởng bất chính, bản thân bị cáo là lao động chính trong gia đình, đang phải nuôi mẹ già thường xuyên đau ốm,

4 con đều còn nhỏ, con lớn nhất mới 14 tuổi, con nhỏ nhất mới 10 tháng tuổi, chồng bị cáo đã ly hôn và bỏ đi đâu không rõ, hoàn cảnh gia đình bị cáo vô cùng khó khăn. Mong Hội đồng xét xử phúc thẩm cho bị cáo được cải tạo tại địa phương để có điều kiện chăm lo cho gia đình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định kết luận về vụ án: Đơn kháng cáo của bị cáo là hợp lệ, được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Về nội dung: Cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo 18 tháng tù về tội "Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước" là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tại cấp phúc thẩm bị cáo đã tự nguyện nộp toàn bộ số tiền chiếm hưởng bất chính và có đơn trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn, hiện bị cáo là lao động chính phải nuôi mẹ già và 4 con đều còn nhỏ, nên đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 và khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999, như vậy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, đủ điều kiện áp dụng Điều 60 BLHS năm 1999, hơn nữa hoàn cảnh gia đình bị cáo gặp khó khăn, bị cáo là lao động chính đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo cho bị cáo được hưởng án treo, tạo điều kiện cho bị cáo nuôi mẹ già và 4 con nhỏ, thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về phần thủ tục: Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn luật định, được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong thời gian từ tháng 5/2016 đến tháng 11/2016, bị cáo Trần Thị T là người đại diện theo pháp luật của Công ty Vạn Đại Phát đã trực tiếp xuất bán cho 05 doanh nghiệp thông qua O và 02 đối tượng khác 22 số hóa đơn GTGT liên 2 "Giao cho người mua" ghi nội dung nhưng không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo với giá 3,5%/tổng giá trị tiền hàng chưa thuế, tổng số tiền hàng là 6.593.743.681 đồng, tổng số tiền thuế GTGT là 659.374.368 đồng. Đồng thời, bị cáo đã mua một số hóa đơn GTGT liên 2 "Giao cho người mua" ghi nội dung nhưng không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo để hợp thức hóa hàng hóa đầu vào của số hóa đơn đã bán với giá 2,7%/tổng giá trị tiền hàng chưa thuế. Bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi mua bán hóa đơn không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện vì mục đích thu lợi bất chính, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế. Chấp nhận lời khai của bị cáo về số tiền thu lợi bất chính là 51.294.000 đồng và gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước số tiền là 659.374.369 đồng. Hành vi của bị cáo bán trái phép hóa đơn với số lượng từ 10 số đến dưới 30 số và gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước có trị giá từ 100 triệu đồng trở lên, cấp sơ thẩm căn cứ Thông tư liên tịch số 10/2013/TTLT-BTP-BCA-TANDTC-VKSNDTC-BTC ngày 26/6/2013 hướng dẫn áp dụng một số Điều của BLHS năm 1999 xét xử bị cáo về tội "Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước"

theo điểm g khoản 2 Điều 164a của BLHS năm 1999 là đúng người, đúng tội, không oan.

[3] Doanh điểm e khoản 2 Điều 203 của BLHS về tội "Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước" quy định hình phạt nhẹ hơn điểm g khoản 2 Điều 164a của BLHS năm 1999, nên cấp sơ thẩm căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 7, điểm e khoản 2 Điều 203 của BLHS để quyết định hình phạt và đã tuyên phạt bị cáo Trần Thị T 18 tháng tù là phù hợp với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo thấy rằng: Trong suốt quá trình điều tra và tại cấp sơ, phúc thẩm bị cáo đều thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn hối cải, tại cấp phúc thẩm bị cáo đã tự nguyện nộp toàn bộ số tiền chiếm hưởng bất chính, nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999. Đồng thời bị cáo có đơn trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là lao động chính phải nuôi mẹ già và 4 con đều còn nhỏ, đơn được chính quyền địa phương xác nhận, nên bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999. Xét bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, hoàn cảnh gia đình bị cáo đặc biệt éo le, con lớn nhất mới 14 tuổi, con nhỏ nhất mới 10 tháng tuổi, việc bố mẹ ly hôn, bố bỏ đi không có địa chỉ, thiếu sự dạy bảo của người cha đã là sự thiệt thòi lớn cho các con của bị cáo, nếu buộc bị cáo hiện đang là chỗ dựa duy nhất cả về vật chất và tinh thần của các con bị cáo đi chấp hành hình phạt tù, sẽ gây ảnh hưởng không nhỏ đến cuộc sống và tâm lý khi các con bị cáo còn quá nhỏ, nguy cơ dẫn đến những hậu quả nặng nề cho xã hội. Vì vậy, xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục theo quy định tại Điều 60 của BLHS năm 1999, cũng bảo đảm cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm, đồng thời tạo điều kiện cho bị cáo nuôi mẹ già và 4 con nhỏ, thể hiện sự khoan hồng, chính sách nhân đạo của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Doanh kháng cáo của bị cáo được chấp nhận, nên bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 BLTTHS,

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thị T, sửa bản án sơ thẩm;

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 164a, Điều 41; các điểm b, p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46, Điều 60 của BLHS năm 1999, khoản 3 Điều 7, điểm e khoản 2 Điều 203 của BLHS; Điều 106 của BLTTHS;

1. Tuyên bố: Các bị cáo Trần Thị T và Trần Thị O phạm tội "Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước";

Xử phạt bị cáo Trần Thị T 18 (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự;

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo;

2. Buộc bị cáo Trần Thị T nộp số tiền 51.294.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước (Đã nộp đủ theo biên lai thu tiền số 01672 ngày 21/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nam Định);

3. Trả lại cho bị cáo Trần Thị T 01 Đăng ký kinh doanh, 02 con dấu;

Tịch thu, tiêu hủy 01 quyển hóa đơn GTGT (Chi tiết vật chứng ghi trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 06-9-2018 giữa Công an thành phố Nam Định và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nam Định);

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị;

5. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của BLTTHS, buộc bị cáo Trần Thị T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm (Đã nộp đủ theo biên lai thu tiền số 01672 ngày 21/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nam Định).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- VKSND-CA tỉnh Nam Định;
- TAND-VKS-CA thành phố Nam Định;
- Chi cục THADS thành phố Nam Định;
- UBND xã **G**, huyện **G**;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thị Bạch Tuyết